

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Kinh tế hợp tác (Economics of Cooperation)

- Mã số học phần: PD222
- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ
- Số tiết học phần: 25 tiết lý thuyết, 10 tiết thực hành và 60 tiết tự học

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn: Kinh tế - Xã hội và Chính sách
- Viện: Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL

3. Điều kiện:

- Điều kiện tiên quyết: Không
- Điều kiện song hành: Không

4. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CDR CTĐT
4.1	Nắm được cơ sở lý thuyết về hợp tác, kiến thức cơ bản về kinh tế hợp tác, các hình thức kinh tế hợp tác và phương thức hoạt động của các hình thức kinh tế hợp tác;	2.1.2a,b,c
4.2	Ứng dụng được kỹ năng phân tích và đánh giá về các hình thức kinh tế hợp tác; tổ chức được các hình thức kinh tế hợp tác để thực hiện các chương trình sản xuất qui chuẩn, “Mỗi làng 1 sản phẩm – OCOP”, ứng dụng công nghệ mới và nối kết tiêu thụ hàng hóa (contract farming);	2.1.2a,b,d 2.2.1a,b,c,d,f,g
4.3	Kỹ năng điều hành nhóm, vận dụng lý thuyết kinh tế hợp tác, liên hệ thực tế ĐBSCL và Việt Nam để có nhận định và tư duy mới về các hình thức kinh tế hợp tác, ứng dụng kinh tế hợp tác ứng phó với tác động tự nhiên và nhu cầu thị trường;	2.1.3a; 2.2.1a,b,c,d,f,g; 2.3a,b,c
4.4	Thái độ khoa học khách quan về hành động tập thể, lợi ích của hành vi hợp tác; ứng dụng hành động tập thể trong thích ứng với sự thay đổi (đặc biệt là BĐKH và thị trường) nhằm phát triển sinh kế của cộng đồng địa phương.	2.3a,b,c

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
	Kiến thức		
CO1	• Nắm được cơ sở lý thuyết về hợp tác và lợi ích của sự hợp tác trong xã hội;	4.1	2.1.2a,b; 2.1.3a
CO2	• Nắm được kiến thức cơ bản về kinh tế hợp tác, các hình thức kinh tế hợp tác;	4.1	2.1.2a,b; 2.1.3a
CO3	• Vận dụng được kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, nội dung và phương thức hoạt động cũng như sự khác biệt giữa các hình thức kinh tế hợp tác.	4.1	2.1.2a,b; 2.1.3a

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
	Kiến thức		
	Kỹ năng		
CO4	<ul style="list-style-type: none"> Ứng dụng được kỹ năng phân tích và đánh giá về các hình thức kinh tế hợp tác; 	4.2; 4.3	2.2.1a,b,c,d,f,g;
CO5	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức được các hình thức kinh tế hợp tác để thực hiện tiến trình sản xuất qui chuẩn, “Mỗi xã 1 sản phẩm OCOP”, ứng dụng công nghệ mới và nối kết tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ; 	4.2; 4.3	2.2.1a,b,c,d,f,g;
CO6	<ul style="list-style-type: none"> Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm trong hoạt động và phát triển kinh tế hợp tác. 	4.2; 4.3	2.3b,c
	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CO7	<ul style="list-style-type: none"> Thái độ khoa học khách quan về hành động tập thể, lợi ích của hành vi hợp tác; 	4.3; 4.4	2.3a,b,c
CO8	<ul style="list-style-type: none"> Ứng dụng hành động tập thể trong thích ứng với sự thay đổi (đặc biệt là BĐKH và thị trường trong và ngoài nước) nhằm phát triển sinh kế của cộng đồng địa phương. 	4.3; 4.4	2.3a,b,c

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần nhằm trang bị cơ sở lý thuyết, kiến thức cơ bản về kinh tế hợp tác và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các loại hình liên kết kinh tế, từ đó vận dụng lý thuyết vào thực tiễn phát triển kinh tế hợp tác tại địa phương. Nội dung kinh tế hợp tác xã và các hình thức kinh tế hợp tác đề cập về lịch sử hình thành và phát triển hợp tác xã, hợp tác xã nông nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam cũng như sự phát triển của các hình thức kinh tế hợp tác mới ở nông thôn, trang bị những kiến thức cơ bản giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích, đánh giá về tình hình hoạt động của hợp tác xã và các hình thức hợp tác mới hiện nay tại Việt Nam. Cuối cùng, vai trò của Nhà nước cũng như các chính sách để quản lý và phát triển kinh tế hợp tác ở Việt Nam nhằm sử dụng nguồn lực, sức mạnh của tập thể để ứng phó với tác động của tự nhiên và kinh tế - xã hội từ bên ngoài.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

7.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
Chương 1.	Một số vấn đề lý luận về kinh tế hợp tác	4	
1.1.	Khái niệm về hợp tác và kinh tế hợp tác		CO1; CO2
1.2.	Các loại hình kinh tế hợp tác		CO1; CO2
1.3.	Đặc điểm của kinh tế hợp tác		CO1; CO2
Chương 2.	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	8	
2.1.	Khái niệm kinh tế hợp tác trong nông nghiệp		CO1; CO2
2.2.	Các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp		CO3
2.2.1.	<i>Xét theo tính chất đơn giản hay phức tạp khi tiến hành hợp tác</i>		
2.2.2	<i>Xét theo phương thức hợp tác</i>		
2.2.3	<i>Xét theo mối quan hệ giữa các chủ thể</i>		
2.3.	Một số chỉ tiêu biểu hiện trình độ và hiệu quả của tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp		CO2, CO3

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
2.3.1.	Chỉ tiêu biểu hiện trình độ của tổ chức kinh tế hợp tác		
2.3.2.	Chỉ tiêu hiệu quả		
2.4.	Những nhân tố tác động đến quá trình hình thành phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp		CO1, CO2, CO3
2.5.	Nghiên cứu các chính sách phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp		CO1, CO2, CO3
Chương 3.	Kinh tế hợp tác xã và các hình thức kinh tế hợp tác mới ở nông thôn	8	
3.1.	Khái niệm về hợp tác xã và hợp tác xã nông nghiệp		CO1; CO2
3.2.	Sự phát triển hợp tác xã trên thế giới và Việt Nam		CO1; CO2
3.3.	Phương hướng và những giải pháp để phát triển kinh tế hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam		CO4; CO5; CO6
3.4.	Sự phát triển các hình thức kinh tế hợp tác mới ở nông thôn nước ta		CO4; CO5; CO6
3.4.1	Những đặc trưng của hình thức kinh tế hợp tác mới		
3.4.2	Các hình thức kinh tế hợp tác mới ở nông thôn		
Chương 4.	Vai trò của Nhà nước đối với kinh tế hợp tác	5	
4.1.	Sự cần thiết khách quan về sự quản lý của Nhà nước đối với sự phát triển kinh tế hợp tác		CO7; CO8
4.2.	Một số chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với kinh tế hợp tác		CO7; CO8
4.3.	Quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp		CO7; CO8

7.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
Bài 1.	Tìm hiểu về các mô hình kinh tế hợp tác trong nông nghiệp tại địa phương và đánh giá mặt mạnh và hạn chế của các mô hình đó trong bối cảnh hiện nay?	5	CO2; CO3; CO4; CO6
Bài 2.	Xây dựng các mô hình kinh tế hợp tác nhằm thích ứng với sự thay đổi của bối cảnh tự nhiên và kinh tế xã hội ở ĐBSCL?	5	CO2; CO3; CO5; CO6; CO7; CO8

8. Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp dạy học đa dạng, kết hợp thuyết giảng, thực hành, thảo luận nhóm, thuyết trình và bài thu hoạch nhóm.

- Thuyết giảng giúp sinh viên tiếp cận các khía cạnh lý thuyết và phương pháp của học phần.
- Thảo luận nhóm nhằm minh họa các thành phần sinh kế trong đời sống kinh tế - xã hội trên các cơ sở lý thuyết vừa được tiếp cận.
- Thuyết trình nhóm nhằm làm rõ các trọng tâm của học phần và trang bị kỹ năng làm việc nhóm, trình bày vấn đề trước đám đông, đặt câu hỏi phản biện và trả lời các vấn đề liên quan.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết;
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có báo cáo kết quả;

- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện;
- Tham dự thi kết thúc học phần;
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CDR HP
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết (Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết)	10%	CO6; CO7; CO8
2	Điểm bài tập nhóm, tiểu luận	- Thảo luận nhóm - Thuyết trình bài tập nhóm	30%	CO2; CO3; CO4; CO5; CO6; CO7; CO8
3	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết (90 phút) - Bắt buộc dự thi	60%	CO1-CO8

10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Phạm Thị Cần. 2002. Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở nước ta hiện nay. NXB Chính trị Quốc gia.	334.683/C121 MNF: 59181
[2] Lê Cảnh Dũng, Võ Văn Tuấn và Nguyễn Văn Sánh, 2014. Nguyên lý Phát triển Nông thôn. NXB Đại học Cần Thơ	MFN: 195785
[3] Phan Anh Tú. 2015. Giáo trình kinh tế quốc tế. NXB Đại học Cần Thơ	MFN: 204286
[4] Vũ Đình Thắng. 2002. Giáo trình kinh tế phát triển nông thôn. NXB Thống kê.	MFN: 110634

12. Hướng dẫn sinh viên tự học:

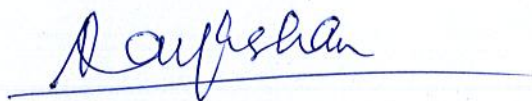
Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1-2	Chương 1: Một số vấn đề lý luận về kinh tế hợp tác 1.1. Khái niệm về hợp tác và kinh tế hợp tác 1.2. Các loại hình kinh tế hợp tác 1.3. Đặc điểm của kinh tế hợp tác	8	0	Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1];
3-7	Chương 2: Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp 2.1. Khái niệm kinh tế hợp tác trong nông nghiệp 2.2. Các hình thức kinh tế hợp tác trong nông	16	5	Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1]; - Tài liệu [4]

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
	nghiệp 2.3. Một số chỉ tiêu biểu hiện trình độ và hiệu quả của tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp 2.4. Những nhân tố tác động đến quá trình hình thành phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp 2.5. Nghiên cứu các chính sách phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp			- Làm bài tập 1
8-11	Chương 3: Khái niệm về hợp tác xã và hợp tác xã nông nghiệp 3.1. Khái niệm về hợp tác xã và hợp tác xã nông nghiệp 3.2. Sự phát triển hợp tác xã trên thế giới và Việt Nam 3.3. Phương hướng và những giải pháp để phát triển kinh tế hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam 3.4. Sự phát triển các hình thức kinh tế hợp tác mới ở nông thôn nước ta	16	0	Nghiên cứu trước: - Tài liệu [1] - Tài liệu [3] - Tài liệu [4]
12-13	Chương 4: Vai trò của Nhà nước đối với kinh tế hợp tác 4.1. Sự cần thiết khách quan về sự quản lý của Nhà nước đối với sự phát triển kinh tế hợp tác 4.2. Một số chính sách quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với kinh tế hợp tác. 4.3. Quản lý nhà nước đối với phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.	10	5	Nghiên cứu trước: - Tài liệu [2] - Tài liệu [3] - Làm bài tập 2
14	Thuyết trình bài tập nhóm	0	0	Vận dụng kiến thức lý thuyết/thực hành
	Tổng cộng	50	10	

Cần Thơ, ngày 13 tháng 5 năm 2021

TL. HIỆU TRƯỞNG
VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN



Đặng Kiều Nhân



Lê Cảnh Dũng